

Bản án số: 380/2019/DS-ST

Ngày: 30/9/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2018/DSST ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3335/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 3986/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Tầng 8, tòa nhà Vincom Center, số 72 đường Lê Thành Tôn, phường X, Quận Y, Thành phố H; người đại diện hợp pháp ông Huỳnh Thiên N, đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền số 158/2018/EIB Q7/UQ-GĐ ngày 12/4/2018, nơi cư trú: Số 849 đường Huỳnh Tấn Phát, phường X, Quận Y, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Bích N, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Số 127/143 đường Điện Biên Phủ, phường X, Quận Y, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1979; nơi cư trú: 190/1, khu phố 1, Phường X, thị xã Y, tỉnh H.

(Ông N có đơn xin vắng mặt; bà N, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2016 và quá trình tham gia tố tụng, Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:

Ngày 02 tháng 8 năm 2012, Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà Nguyễn Bích N ký hợp đồng tín dụng số: 1403-LAV-201200479 để bà N vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Thực hiện hợp đồng,

Ngân hàng thương mại cổ phần V đã giải ngân số tiền vay cho bà N theo khế ước nhận nợ số: 1403-LDS-201200891 ngày 02 tháng 8 năm 2012. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền gốc, lãi nhưng bà N không trả, tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2019 bà N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 643.009.518 đồng (gồm: Nợ gốc 421.850.000 đồng, lãi 221.159.518 đồng). Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa: Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N và ông V vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà N đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V hợp đồng tín dụng số: 1403-LAV-201200479 và khế ước nhận nợ số: 1403-LDS-201200891 ngày 02 tháng 8 năm 2012 nên có cơ sở khẳng định bà N đã vay số tiền 600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2019 bà N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 643.009.518 đồng (gồm: Nợ gốc 421.850.000 đồng, lãi 221.159.518 đồng) nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V có căn cứ để xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét bà N cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

[1.2]. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xét Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định.

[1.3]. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt cho bà N, ông V quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N, ông V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 1403-LAV-201200479 ngày 02 tháng 8 năm 2012, có chữ ký xác nhận của bà N là bên vay và bên cho vay Ngân hàng thương mại cổ phần V nên có cơ sở khẳng định các bên đã thiết lập quan hệ tín dụng.

[2.2]. Căn cứ khế ước nhận nợ số: 1403-LDS-201200891 ngày 02 tháng 8 năm 2012, các bên xác nhận nên có cơ sở để khẳng định bà N đã nhận được số tiền vay là 600.000.000 đồng.

[2.3]. Căn cứ mục 5.2 Điều 5 hợp đồng tín dụng số: 1403-LAV-201200479 ngày 02 tháng 8 năm 2012, bà N có nghĩa vụ trả nợ vay, lãi vay đầy đủ đúng hạn nhưng bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2019 bà N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 643.009.518 đồng (gồm: Nợ gốc 421.850.000 đồng, lãi 221.159.518 đồng). Xét, bà N, ông V vắng mặt mà nghĩa vụ chứng minh thuộc trách nhiệm của bà N, ông V được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “...đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc...” nhưng bà N, ông V đã tự từ bỏ quyền được chứng minh thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V là có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.720.381 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 11.677.468 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0019739 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V:

1.1. Buộc bà Nguyễn Bích N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số: 1403-LAV-201200479 ngày 02 tháng 8 năm 2012 là 643.009.518đ (sáu trăm bốn mươi ba triệu, không trăm lẻ chín nghìn, năm trăm mười tám đồng), (gồm nợ gốc 421.850.000 đồng, lãi 221.159.518 đồng)

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 01/10/2019, bà Nguyễn Bích N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay thỏa thuận sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Các bên thi hành án dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.720.381đ (hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, ba trăm tám mươi một đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 11.677.468đ (mười một triệu,

sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0019739 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V, bà Nguyễn Bích N, ông Nguyễn Xuân V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Q1;
- Chi cục THADS Q1;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn